

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số:1358/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28- 11-2018
V/v Tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công Trung
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa : Bà Đoàn Thị Thúy Hà– Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 799/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 304/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 225/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08/11/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Xuân T – sinh năm 1984 (Có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Phường B, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Kim A – sinh năm 1987 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Phường B, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/6/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Xuân T trình bày:

Ông và bà Nguyễn Kim A tự nguyện tìm hiểu và đến với nhau. Hai bên có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn năm 2007 tại Ủy ban nhân dân phường C,

Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng về tỉnh Cà Mau sinh sống. Đến năm 2011, cả gia đình chuyển lên Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống cùng gia đình chồng, có thuê nhà để buôn bán riêng. Thời gian đầu vợ chồng sống chung có hạnh phúc nhưng sau đó do làm ăn thua lỗ, vợ chồng cãi vã, bất đồng quan điểm. Do tính chất công việc nên ông thường xuyên vắng nhà, vợ chồng không chăm sóc, không chia sẻ với nhau những khó khăn trong cuộc sống. Đến tháng 10/2017, bà A bỏ nhà đi, không báo cho ông biết. Ông có về quê ở Cà Mau tìm nhưng không gặp. Gia đình bà A cũng không biết bà A đi đâu. Bà A cũng không về thăm con, vẫn không liên lạc với gia đình. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà A.

Về quan hệ con chung: Ông và bà A có hai con chung là trẻ Trần Ngọc L, sinh ngày 22/3/2008 và trẻ Trần Ngọc P, sinh ngày 30/7/2012. Hiện tại hai con vẫn đang sống chung với ông và do ông trực tiếp chăm sóc. Khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu bà A cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung : Ông T khai không có và không nợ ai.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn bà Nguyễn Kim A nhưng bà A vắng mặt. Bà A không có lời khai, cũng như Tòa án không tiến hành hòa giải được. Do đó Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên Tòa hôm nay bà A vắng mặt. Ông T có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết : Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định quan hệ tranh chấp về ly hôn. Do bị đơn cư trú tại quận Tân Phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

Thời hạn tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về người tham gia tố tụng : Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Về thu thập chứng cứ : Thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án : Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn. Căn cứ lời khai và các chứng cứ thu thập được, thể hiện vợ chồng ông T và bà A chung sống với nhau có xảy ra mâu thuẫn. Bà A không có lời khai cũng như ý kiến của mình về quan hệ hôn nhân, điều này chứng tỏ bà A không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó yêu cầu xin ly hôn của ông T là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về quan hệ con chung : Ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là trẻ tên Trần Ngọc L, sinh ngày 22/3/2008 và trẻ Trần Ngọc P, sinh ngày 30/7/2012, không yêu cầu bà A đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Ông T xác nhận hai con chung đang do ông trực tiếp nuôi dưỡng và phù hợp với lời khai của trẻ L có nguyện vọng xin được ở cùng với ba (Ông T). Do đó căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T

Về tài sản chung và nợ chung : Ông T khai không có nên không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án

Xét đơn khởi kiện của ông Trần Xuân T, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về “Ly hôn”. Do bị đơn bà A hiện đang cư ngụ tại quận Tân Phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Ông Trần Xuân T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Kim A nhưng bà A vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn bà A theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 63 quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định cấp ngày 15/10/2007 thì quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Xuân T và bà Nguyễn Kim A là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Ông T nhận thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được do đó ông yêu cầu được ly hôn với bà A.

Căn cứ vào chứng cứ, lời khai của ông T và các chứng cứ thu thập trong quá trình giải quyết vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay thể hiện thời gian vợ chồng ông T, bà A chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn. Hiện ông T và bà A đã sống ly thân, mỗi người tự lo cuộc sống của mình không quan tâm chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà A đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, bà A không đến Tòa án để trình bày lời khai, cũng như ý kiến của mình về quan hệ hôn nhân giữa hai bên, thể hiện bà A chưa thật sự thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”. Thực tế ông T, bà A không sống chung nhà thì hai bên không thể thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó yêu cầu xin ly

hôn của ông T đối với bà A là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung là trẻ Trần Ngọc L, sinh ngày 22/3/2008 và trẻ Trần Ngọc P, sinh ngày 30/7/2012, không yêu cầu bà A đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Bà A không đến Tòa án để trình bày lời khai nên không có cơ sở để xem xét ý kiến của bà đối với con chung. Tuy nhiên việc xem xét giao con chung cho ai nuôi dưỡng thì phải xuất phát từ lợi ích mọi mặt của các con, để các trẻ phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức. Mặt khác, trẻ L hiện đang sinh sống cùng ông T và có nguyện vọng được ở với ba (ông T). Do đó để tránh xự xáo trộn về tâm lý cũng như nơi ở của các trẻ, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu bà A có chứng cứ cho rằng hai bên có tài sản chung và nợ chung thì được giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

[4]Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228 khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ;

- Điều 56, 81, 82, 83, 84, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Xuân T.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Xuân T được ly hôn với bà Nguyễn Kim A. Quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà A theo Giấy chứng nhận kết hôn số 63 quyền số 01/2007 do Ủy ban nhân dân phường C, Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, cấp ngày 15/10/2007, chấm dứt kể từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về quan hệ con chung: Giao hai con chung là trẻ tên Trần Ngọc L, sinh ngày 22/3/2008 và trẻ Trần Ngọc P, sinh ngày 30/7/2012 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà A do ông T chưa có yêu cầu.

Bà A có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở. Ông T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà A trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp bà A lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà A.

Trong trường hợp ông T không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, bà A hoặc người thân thích, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T khai không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Xuân T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình được trừ vào số tiền 300.000đồng mà ông T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011518 ngày 01/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND TP.HCM ;
- VKSND Q.Tân Phú ;
- Chi cục THA DS Q.Tân phú ;
- UBND P.C, Tp Nam Định
- Tỉnh Nam Định.
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương